

XÃ HỘI HỌC VỚI DÂN TỘC ÍT NGƯỜI Ở CÁC TỈNH PHÍA NAM

Tiến sĩ PHAN LẠC TUYẾN

Ngành xã hội học với ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, với đường lối, chính sách của Đảng cộng sản Việt Nam, khi nghiên cứu đối tượng trọng tâm là các dân tộc ít người đã thấy xuất hiện một “khu vực xã hội học” (secteur de sociologie) mà ta có thể gọi là *xã hội học - dân tộc ít người* (sociologie - minorités ethniques). Công tác này đòi hỏi phải đi điền dã vùng cư trú của các đối tượng nghiên cứu, quan sát tại chỗ, điều tra, thu thập lượng thông tin bằng nhiều nguồn khác nhau, càng phong phú càng tốt. Nhưng cũng phải phân tích một cách khoa học, tổng hợp, với sự vận dụng nhiều kiến thức liên ngành (kể cả khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội). Phải “hòa nhập” vào dân tộc - đối tượng bằng tâm hồn của người dân tộc đó, nhưng với lý trí sắc bén, tinh táo của một nhà khoa học mácxít, một phong thái cách mạng chân chính. Và điều quan trọng hơn cả là phải tự thắp sáng trong lòng mình ngọn lửa đam mê nghề nghiệp, dùng trí tuệ mình để phục vụ khoa học và sự nghiệp cách mạng.

Từ những công tác điền dã, từ những tư liệu thu thập, xã hội học - dân tộc ít người sẽ qua “phòng thí nghiệm” là các cuộc hội thảo khoa học, đúc kết những công trình nghiên cứu thành những nhận định, những luận điểm, phát hiện quy luật mang tính xã hội học về dân tộc ít người, để có thể giúp cho lãnh đạo có những tư liệu khách quan, thực tiễn và được cập nhật hóa, để lãnh đạo có thể suy nghĩ thêm về những vấn đề đường lối, chính sách đối với việc cải tạo xã hội, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa và con người mới xã hội chủ nghĩa ở vùng dân tộc ít người nói chung, cũng như từng địa phương cụ thể nói riêng. Bởi lẽ xã hội học - dân tộc ít người phải xuất phát từ thực tế khách quan, qua tư duy khoa học để tìm ra những quy luật, những đường lối, chính sách cụ thể để cải tạo xã hội đó, thực hiện được từng bước những ước mơ của con người trong cái biến chuyển liên tục của thiên nhiên, của xã hội, của thời đại.

*

* *

Các dân tộc ít người ở phía Nam đã cư trú trên một địa bàn rộng lớn. Họ đã từng là chủ nhân những nền văn hóa bản địa từ lâu đời, cùng chung một nguồn gốc văn hóa Đông Nam Á với người Việt Nam và những dân tộc là người anh em khác ở Việt Nam và ở vùng Đông Nam Á. Đồng thời, trong quá trình phát triển lịch sử, họ đã tiếp thu nhiều yếu tố văn hóa từ bên ngoài tới, chủ yếu là từ Ấn Độ, Trung Cận Đông.

Và điều rõ rệt nhất là, do ngày càng tiếp cận với người Việt, họ càng chịu ảnh hưởng văn hóa của người Việt, tuy họ vẫn giữ được ở mức độ khác nhau đặc tính dân tộc. Vấn đề giao thoa văn hóa đó đã khiến xã hội học - dân tộc ít người ngày càng trở nên cần thiết cho ngành xã hội học nói riêng và khoa học xã hội nói chung. Nó cũng khiến sự quan hệ liên ngành (interdiscipline) giữa các bộ môn của khoa học xã hội (khoa học lịch sử: thông sử, khảo cổ, dân tộc học; kinh tế chính trị học, ngôn ngữ, văn học dân gian, triết học...) và kể cả với một số ngành thuộc khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật (sinh thái học, địa chất, nông nghiệp ứng dụng, thủy văn...) ngày càng trở nên cần thiết.

Khi vận dụng lý luận Mác - Lênin trong xã hội học - dân tộc ít người không thể để rơi vào tình trạng lý luận theo sách vở, mang tính chất giáo điều khô cứng. Cũng không thể chỉ lấy cái chung để áp đặt máy móc cho cái riêng. Ngược lại, cũng không thể thổi phồng tính cá biệt, đặc thù của một đối tượng, một dân tộc, một vùng, để đưa thành quy luật chung. Cũng cần tránh rơi vào tình trạng không trang bị lý luận Mác - Lênin và đường lối của Đảng, để rơi vào tình trạng kinh nghiệm chủ nghĩa. Điều cần ghi nhớ là phải vận dụng sáng tạo và khoa học lý luận mácxít, vận dụng tính đảng, kết hợp hài hòa và đúng mức lý luận và thực tiễn xã hội. Về vấn đề này, Lênin đã chỉ rõ: *“Trong khi dựa vào lý luận và thực tiễn phổ biến của chủ nghĩa cộng sản, các đồng chí vừa phải thích ứng với những điều kiện đặc biệt mà các nước châu Âu không có”* (1).

Những quy luật đó xuất phát từ tính khách quan của các sự vận động xã hội, không những không lệ thuộc vào tư duy một cá nhân, mà nó còn quyết định tư duy của cá nhân đó. Sự tiếp cận của xã hội học với vấn đề xã hội các dân tộc ít người không phải là lấy những quy luật sẵn có của xã hội học đúc kết từ thực tế của dân tộc khác mà chụp vào thực tiễn sinh động của đối tượng này. Như nhà xã hội học I. Cutsinxki đã viết: *“Không xuất phát từ khái niệm xã hội học để đi đến quy luật, mà xuất phát từ hình thức tồn tại khách quan của các quy luật để đi đến khoa học là cái có nhiệm vụ nghiên cứu các quy luật đó. Một khi đã có những quy luật khách quan, thì tất nhiên phải nảy sinh cái lý luận để giải thích các quy luật đó”*.

Nghiên cứu xã hội học dân tộc ít người nhằm vào việc phát hiện những quy luật khách quan đặc thù của sự cải biến hình thái kinh tế và xã hội của các dân tộc từ trình độ khá chậm phát triển, vận động theo phương hướng tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua nhiều hình thái điển hình phổ biến trong lịch sử. Thế mạnh của tiếp cận xã hội học là cho phép có khả năng đi sâu vào các hình thức biểu hiện và các cơ chế vận động của các quy luật đó trên những lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Trong khi nghiên cứu sự vận động tiến lên của cơ cấu xã hội và lối sống các dân tộc ít người, xã hội học cần đặc biệt lưu ý tới việc làm sáng tỏ: bằng con đường nào thực hiện được sự xích lại gần nhau giữa các tộc người, giữa các dân tộc anh em trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, thực hiện được một trình độ phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa và lối sống ngày càng có tính đồng nhất cao, trong khi vẫn bảo tồn được những bản sắc độc đáo của từng dân tộc.

Chúng ta cũng không nên quên sự kết hợp giữa xã hội học và tâm lý học xã hội trong quá trình triển khai các công trình nghiên cứu xã hội cụ thể. Vì các thuộc tính tâm lý dân tộc và tộc người luôn luôn để lại dấu ấn xã hội sâu sắc trong các quan hệ

¹ V.I. Lênin: *Bàn về phương Đông*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1950. tr. 11.

kinh tế, văn hóa và giao tiếp, trong quá trình tối ưu hóa các con đường thích hợp của sự phát triển xã hội từng dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội.

Xuất phát từ cách đặt vấn đề như trên, theo chúng tôi, xã hội học - dân tộc ít người ở các tỉnh phía Nam nên đặc biệt chú ý tới các chủ đề nghiên cứu vừa cơ bản, vừa cấp bách sau đây:

1. Về cơ cấu xã hội.

Cơ chế kinh tế - xã hội các dân tộc ít người ở các tỉnh phía Nam còn mang nhiều tàn dư của công xã nguyên thủy. Do sự tiếp xúc với cộng đồng người Việt qua giao lưu văn hóa (theo nghĩa rộng), hình thái này bị phá vỡ từng mảng. Qua quá trình lịch sử, dưới chế độ thực dân cũ và mới, qua giai đoạn kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, tác động gấp rút của biến động lịch sử đã để lại những dấu ấn nhất định.

Từ khi có Đảng và sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, các dân tộc ít người ở phía Nam đã cùng đồng bào cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cơ cấu xã hội những dân tộc này chưa qua giai đoạn chế độ phong kiến và tư bản chủ nghĩa. Như vậy, việc cải tạo xã hội, xây dựng con người mới và xã hội xã hội chủ nghĩa ở đây đang đặt ra những vấn đề rất đặc thù cần nghiên cứu kỹ lưỡng.

Chẳng hạn, chế độ sở hữu, cơ cấu quan hệ nội tại của các thành viên trong làng (buôn, bon, sóc, plei...) về tư liệu sản xuất, chế độ “pêlan”, “toring” về nương rẫy và rừng rú, tín ngưỡng đa thần và quan niệm ruộng rẫy, rừng rú thuộc về thần linh sở hữu⁽²⁾, cùng những dạng phản ánh của chúng trong tâm lý dân tộc, trong thái độ đối với sự nghiệp cải tạo và xây dựng xã hội hiện nay là những đề tài rất mới, rất hấp dẫn.

2. Về chế độ hôn nhân và cơ cấu gia đình thân tộc.

Chế độ mẫu hệ hiện còn tồn tại ở vùng người Chăm theo đạo Bà La Môn ở Thuận Hải. Trong quá trình lịch sử, nó đã có ảnh hưởng qua lại đối với một số các dân tộc thuộc dòng ngữ hệ Malayô-Pôlynèdiêng ở Tây Nguyên như Êđê, Giarai, v.v...

Ở người Chăm Bà La Môn Thuận Hải, chế độ mẫu hệ đã để ra việc lấy họ theo nghĩa địa bên mẹ (*kul*), mà tên gọi của mỗi *kul* lấy theo địa danh hoặc tên một cây cỏ thụ hay hòn đá lớn, dòng suối, v.v... Chế độ mẫu hệ in dấu ấn vào chế độ hôn nhân, vào cơ cấu gia đình và thân tộc. Ở dân tộc này, con gái chọn chồng, cưới chồng và quyền quyết định cuối cùng là do mẹ cô gái. Chàng rể phải ở bên gia đình vợ đến khi chết mới được đưa đám tro xương và chôn ở nghĩa địa dòng họ mẹ. Tục lệ này đã kìm hãm sự phát triển xã hội và gây ra nhiều bi kịch trong hôn nhân.

Chế độ mẫu hệ của người Chăm Bà La Môn có thể đã ảnh hưởng đến một số dân tộc thuộc lòng ngữ hệ Môn - Khome (Ma Choro, v.v...) đòi hỏi chúng ta phải nghiên cứu sâu chế độ nửa phụ hệ, nửa mẫu hệ ở các dân tộc này. Người Kinh cụt (Youn- Chăm) ở Thuận Hải cũng chịu ảnh hưởng, tương tự.

Người Chăm Hồi giáo ở An Giang thì lại theo cơ cấu tổ chức gia đình xã hội như ấn định trong kinh *Coran*; người đàn ông có quyền lấy nhiều vợ và người đàn bà không được tiếp xúc với người đàn ông khác.

² G. Condominas. *Nous avons mangé la forêt de la pierre-génte Gêô* (Chúng tôi đã ăn khu rừng của thần đá Gêô), Ed. Mercure de France, Paris, 1957.

3. Về vấn đề tôn giáo trong các dân tộc ít người.

Cần lưu ý là trong sinh hoạt tôn giáo của các đồng bào theo đạo Bà La Môn, Bà Ni, Hồi giáo, Công giáo, Tin lành, tàn dư những tín ngưỡng nguyên thủy như bái vật giáo, đa thần giáo rất phức tạp, có tác động đến nhiều mặt của sinh hoạt xã hội. Chủ nghĩa thực dân kiểu mới Mỹ và bọn phản động quốc tế đã dùng tôn giáo và những tín ngưỡng này như một công cụ để chống phá cách mạng (trước đây) và đang âm mưu phá hoại việc xây dựng chủ nghĩa xã hội tại vùng dân tộc ít người ngày nay.

Trong mối quan hệ mật thiết giữa cơ cấu xã hội với quyền lực tinh thần và tín ngưỡng, cần chú ý đến chế độ “già làng”, đến vai trò của các cụ và luật tục trong đời sống các dân tộc, đặc biệt độc đáo là hệ thống tín ngưỡng, và uy quyền của *Vua Lửa* (Patau Pui) và *Vua nước* (Patau Ea) tại vùng Tây Nguyên.

Trong lĩnh vực này, xã hội học cần nghiên cứu về trình độ tín ngưỡng của nhân dân, về mối quan hệ giữa tín ngưỡng của họ và đời sống vật chất, văn hóa, thái độ chính trị và hành vi của những người cầm đầu tôn giáo. Chỉ trên cơ sở đó chúng ta mới thực hiện được chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, vừa bảo đảm tự do tín ngưỡng, vừa giáo dục quần chúng nhân dân, vừa ngăn chặn và trừng trị những kẻ lợi dụng tôn giáo để thực hiện mưu đồ phản động của chúng.

4. Về vấn đề hiện đại hóa cơ chế tổ chức xã hội.

Việc xây dựng những loại hình định cư, định canh (làng, khu kinh tế mới, nông lâm trường quốc doanh, v.v...) đang đặt ra những vấn đề về sự phù hợp giữa trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, với những di sản truyền thống của dân tộc, văn hóa dân gian, v.v... Vấn đề này cần được nghiên cứu dưới các góc độ xã hội học về sinh thái và góc độ tâm lý học dân tộc, v.v... (Có vùng định cư định canh của đồng bào dân tộc, Đảng và Nhà nước cần đầu tư nhiều phương tiện như làm nhà ngói, lập trường học, bệnh xá, có máy điện mà bà con dân tộc ít người (kể cả một số cán bộ, đảng viên) lại thích trở về buôn cũ và tiếp tục du canh du cư).

Việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước tại vùng dân tộc ít người cũng đặt ra vấn đề *cán bộ quản lý* và *phương thức tổ chức quản lý*. Cán bộ người dân tộc cần được đào tạo và nâng cao nhanh chóng về văn hóa và chính trị. Cán bộ người Việt phải có trình độ chính trị, văn hóa giỏi, phải biết những khái niệm cơ bản về xã hội học - dân tộc ít người nơi mình công tác để có thể thực hiện đúng đắn, nhuần nhuyễn đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước (có nơi Sở Thương nghiệp tỉnh đã gửi bán lên vùng bà con dân tộc ít người giấy vệ sinh, xà bông thơm, vải trắng, v.v... trong khi đó, bà con lại không cần những thứ này, mà cần muối, cá khô vải đen hoặc xanh).

5. Quá trình cải tạo văn hóa cũ và xây dựng văn hóa mới.

Ở vùng dân tộc ít người đặt ra vấn đề nghiên cứu kỹ về truyền thống dân tộc và văn hóa dân gian bảo vệ, phát huy cái gì, bài trừ, loại bỏ cái gì cho phù hợp với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Vấn đề ăn, ở, mặc của bà con đồng bào dân tộc ít người cũng phải được giải quyết theo hướng bảo vệ truyền thống tốt đẹp phù hợp với các nguyên lý canh tân.

Vấn đề giáo dục và sửa đổi chữ viết trong các trường vùng đồng bào dân tộc ít người, giáo dục truyền thống của dân tộc và truyền thống cách mạng, nhất là cho giới thanh niên, cũng đòi hỏi có tiếng nói đóng góp của các công trình xã hội học thích ứng.

*

* *

Kết luận, chúng tôi có thể mạnh dạn nói rằng:

Xã hội học - dân tộc ít người một trong những “khu vực nóng” của xã hội học, đặc biệt là ở các tỉnh phía Nam.

Những đề tài đang và sẽ được tiến hành nghiên cứu phải mang tính chất tập trung, vừa có tính chiến lược (điều tra cơ bản) nhưng cũng phải có đóng góp thiết thực cho sự nghiệp xây dựng con người mới và xã hội mới. Nó sẽ là những công trình khoa học góp phần khiêm tốn của mình với các cấp lãnh đạo trung ương và địa phương trong quá trình hình thành những chế độ, chính sách thích ứng, nhằm thúc đẩy quá trình các dân tộc ít người tiến lên xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

Xã hội học - dân tộc ít người phải cố gắng triển khai trên tinh thần liên ngành, tổng hợp, đồng thời phải tập trung và chuyên sâu vào những đối tượng và chủ đề cơ bản.

Đất nước ta vẫn là một địa bàn nghiên cứu khoa học xã hội phong phú, và riêng xã hội học - dân tộc ít người ở các tỉnh phía Nam chắc chắn sẽ không khan hiếm những đề tài mới lạ, hữu ích và độc đáo, không những đóng góp cho sự phát triển ngành xã hội học của ta, mà sẽ đóng góp cho trí thức khoa học thế giới những công trình sáng tạo có giá trị.